|  |  |
| --- | --- |
|  ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD** Số: 594 /BC-ĐHKT&QTKD-CTSV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thái Nguyên, ngày 1 tháng 6 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng công việc tại doanh nghiệp của cử nhân**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích, ý nghĩa

- Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong Nhà trường.

- Thu thập được ý kiến của các nhà tuyển dụng để làm căn cứ triển khai các hoạt động cải tiến, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

- Tăng cường việc gắn kết giữa các đơn vị sử dụng lao động và Nhà trường.

2. Yêu cầu

Thông tin phản hồi từ phía doanh nghiệp phải được xử lý, khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KHẢO SÁT

- Đối tượng khảo sát: Các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng người lao động là cử nhân tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế và QTKD. Tổng số doanh nghiệp được khảo sát: 37. Số doanh nghiệp có ý kiến phản hồi: 31.

- Thời gian khảo sát: Tháng 4/2022 đến tháng 5/2022

- Hình thức khảo sát: E mail, điện thoại hoặc phỏng vấn trực tiếp.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

 3.1. Kiến thức, kỹ năng chuyên môn

*Nội dung 1: Kiến thức của cử nhân Trường Đại học Kinh tế và QTKD phù hợp với yêu cầu của vị trí công việc hiện tại*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 2 | 6,45 |
| 4 | Đồng ý | 25 | 80,65 |
| 5 | Rất đồng ý | 4 | 12,90 |

 Về tiêu chí kiến thức của cử nhân sau khi tốt nghiệp có phù hợp với yêu cầu của vị trí hiện tại, có 31 doanh nghiệp tham gia khảo sát thì có 12,9% đánh giá rất đồng ý, 80,65% đồng ý và 6,45% bày tỏ ý kiến phân vân. Kết quả này có thể thấy đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng kiến thức được học tại Nhà trường thì đáp ứng được vị trí công việc mà doanh nghiệp yêu cầu, tuy nhiên 6,45% phân vân, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, các doanh nghiệp còn băn khoăn về kiến thức thực tiễn của các cử nhân được tuyển dụng, điều đó có hàm ý rằng, các cử nhân được tuyển dụng vẫn cần phải có kiến thức thực hành nhiều hơn để phù hợp với vị trí mà doanh nghiệp yêu cầu.

*Nội dung 2: Cử nhân Trường Đại học Kinh tế và QTKD có khả năng vận dụng kiến thức được học vào công việc hiện tại*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 4 | 12,90 |
| 4 | Đồng ý | 23 | 74,19 |
| 5 | Rất đồng ý | 4 | 12,90 |

74,19% doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá đồng ý cho rằng cử nhân Trường ĐH Kinh tế và QTKD có khả năng vận dụng kiến thức được học vào công việc hiện tại và 12,90% phân vân. Kết quả đó cho thấy, đa số cử nhân được đào tạo trong Nhà trường đều có khả năng vận dụng kiến thức của mình vào công việc, tuy nhiên, vẫn còn một số ít người học chưa vận dụng thành công kiến thức vào công việc hiện tại.

*Nội dung 3: Kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của cử nhân Trường Đại học Kinh tế và QTKD đáp ứng đủ yêu cầu của vị trí công việc*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 2 | 6,45 |
| 4 | Đồng ý | 26 | 83,87 |
| 5 | Rất đồng ý | 3 | 9,68 |

3.2. Kỹ năng mềm

*Nội dung 4: Có đủ năng lực ngoại ngữ cần thiết cho công việc*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 1 | 3,22 |
| 3 | Phân vân | 15 | 48,39 |
| 4 | Đồng ý | 15 | 48,39 |
| 5 | Rất đồng ý | 0 | 0 |

 Về tiêu chí năng lực ngoại ngữ thì không có doanh nghiệp đánh giá ở mức cao nhất (rất đồng ý), 48,39% đồng ý; 48,39% phân vân và 3,22% là không đồng ý. Kết quả này có thể thấy, năng lực ngoại ngữ của cử nhân được đào tạo trong Trường chưa được đánh giá cao. Điều này đòi hỏi Nhà trường cần phải có các chính sách, biện pháp và tạo môi trường cho người học được rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ nhiều hơn để đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng.

*Nội dung 5: Có đủ năng lực công nghệ thông tin cần thiết cho công việc*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 1 | 3,23 |
| 4 | Đồng ý | 28 | 90,32 |
| 5 | Rất đồng ý | 2 | 6,45 |

 Về năng lực công nghệ thông tin thì 90,32% doanh nghiệp tham gia khảo sát đồng ý rằng sinh viên của Nhà trường có đầy đủ năng lực, trình độ công nghệ thông tin để đáp ứng được nhu cầu của Nhà tuyển dụng. Điều đó có thể khẳng định rằng, Nhà trường đã làm tốt công tác đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin cho sinh viên.

*Nội dung 6: Có khả năng học hỏi, trau dồi thêm kiến thức chuyên môn*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 1 | 3,23 |
| 4 | Đồng ý | 19 | 61,29 |
| 5 | Rất đồng ý | 11 | 35,48 |

 35,48% doanh nghiệp tham gia khảo sát rất đồng ý và 61,29 đồng ý về khả năng học hỏi, trau dồi thêm kiến thức chuyên môn của cử nhân Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Một số doanh nghiệp còn chia sẻ thêm rằng, cử nhân do Nhà trường đào tạo luôn chủ động để trau dồi kiến thức chuyên môn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí công việc được tuyển dụng.

*Nội dung 7: Có khả năng làm việc độc lập, tự sắp xếp, bố trí công việc hiệu quả*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 4 | 12,90 |
| 4 | Đồng ý | 19 | 61,29 |
| 5 | Rất đồng ý | 8 | 25,81 |

Đối với tiêu chí có khả năng làm việc độc lập, tự sắp xếp, bố trí công việc hiệu quả, 25,81% doanh nghiệp tham gia đánh giá mức rất đồng ý, 61,29% đánh giá mức đồng ý, 12,9% bày tỏ thái độ phân vân. Kết quả khảo sát cho thấy ở tiêu chí này, đa số cử nhân của Nhà trường có khả năng làm việc độc lập và có khả năng sắp xếp, bố trí công việc hiệu quả. Tuy nhiên, có 4/31 doanh nghiệp tham gia khảo sát vẫn bày tỏ thái độ phân vân. Do vậy, Nhà trường cần kiến tạo những hoạt động giúp người học phát triển khả năng làm việc độc lập, sắp xếp công việc hiệu quả; đồng thời chia sẻ kết quả lấy ý kiến các nhà tuyển dụng cho sinh viên biết để sinh viên chủ động, tích cực hơn trong việc rèn luyện khả năng làm việc độc lập, khoa học, hiệu quả hơn, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng và doanh nghiệp.

*Nội dung 8: Có khả năng phối hợp, làm việc nhóm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 0 | 0 |
| 4 | Đồng ý | 23 | 74,19 |
| 5 | Rất đồng ý | 8 | 25,8 |

Về tiêu chí khả năng phối hợp, làm việc nhóm thì được doanh nghiệp tham gia đánh giá ở mức rất cao là 25,8% ở mức rất đồng ý và 74,19% đồng ý, không có doanh nghiệp nào đánh giá thấp đối với tiêu chí này.

*Nội dung 9: Có khả năng lãnh đạo*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 18 | 58,06 |
| 4 | Đồng ý | 13 | 41,94 |
| 5 | Rất đồng ý | 0 | 0 |

 Về tiêu chí có khả năng lãnh đạo, thì 58,06% doanh nghiệp tham gia đánh giá ở mức phân vân, có 41,94% đánh giá ở mức đồng ý. Điều này đúng với trường hợp cử nhân mới tốt nghiệp trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 năm, chưa hội tụ được nhiều yếu tố đảm bảo kỹ năng lãnh đạo.

*Nội dung 10: Có năng lực tự nghiên cứu, sáng tạo để tiếp cận công nghệ mới*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 11 | 35,48 |
| 4 | Đồng ý | 17 | 54,84 |
| 5 | Rất đồng ý | 3 | 9,68 |

Về năng lực tự nghiên cứu, sáng tạo để tiếp cận với công nghệ mới, doanh nghiệp tham gia đánh giá với tỷ lệ 54,84% đồng ý, 35,48% phân vân. Điều này cho thấy, cử nhân Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh khá năng động và chủ động trong việc tự nghiên cứu, sáng tạo và tiếp cận với những công nghệ, kiến thức mới trong quá trình làm việc.

*Nội dung 11: Có tinh thần và thái độ làm việc tích cực, hiệu quả*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 0  | 0 |
| 4 | Đồng ý | 9 | 29,03 |
| 5 | Rất đồng ý | 22 | 70,97 |

 Các doanh nghiệp tham gia đánh giá rất tích cực và hiệu quả về tinh thần và thái độ của cử nhân Trường Đại học Kinh và Quản trị kinh doanh. Thái độ và tinh thần là trong những tiêu chí quan trọng mà doanh nghiệp luôn cần ở người được tuyển dụng. Điều này có thể thấy, sinh viên Nhà trường đã đảm bảo tốt nội dung tiêu chí này.

*Nội dung 12: Có kỷ luật tốt, tuân thủ nội quy cơ quan, doanh nghiệp*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 0 | 0 |
| 4 | Đồng ý | 12 | 38,71 |
| 5 | Rất đồng ý | 19 | 61,29 |

 100% doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá ở mức rất đồng ý và đồng ý tại tiêu chí về ý thức kỷ luật và tuân thủ nội quy cơ quan, doanh nghiệp. Điều này có thể khẳng định rằng công tác quan tâm đến giáo dục tư tưởng của sinh viên trong Nhà trường đã được triển khai tốt, sinh viên được rèn luyện đạo đức tốt từ khi còn học trong Nhà trường.

*Nội dung 13: Nhìn chung, chất lượng đào tạo thỏa mãn yêu cầu nhà tuyển dụng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Rất không đồng ý | 0 | 0 |
| 2 | Không đồng ý | 0 | 0 |
| 3 | Phân vân | 0 | 0 |
| 4 | Đồng ý | 27 | 87,10 |
| 5 | Rất đồng ý | 4 | 12,90 |

 Theo tiêu chí này, có 12,90% đánh giá ở mức rất đồng ý, 87,10% doanh nghiệp đánh giá ở mức đồng ý. Có thể thấy rằng, chất lượng đào tạo của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng, của doanh nghiệp.

*Nội dung 14: Doanh cần trang bị thêm các khóa đào tạo nào*

| STT | Các khoá học được đề xuất | Số lượng DN đồng ý đề xuất | Tỷ lệ (%) |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Không tham dự khóa học nào | 0 | 0 |
| 2 | Bổ trợ kỹ năng CNTT | 2 | 6,45 |
| 3 | Bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ | 11 | 35,48 |
| 4 | Bổ trợ kiến thức, kỹ năng chuyên môn | 17 | 54,84 |
| 5 | Bổ trợ kỹ năng quản lý | 14 | 45,16 |
| 6 | Bổ trợ kỹ năng mềm | 9 | 29,03 |
| 7 | Các khóa đào tạo khác | 7 | 22,58 |

 100% doanh nghiệp tham gia khảo sát đều cho rằng cử nhân của Nhà trường cần trang bị thêm các khóa đào tạo bổ trợ. 6,45% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ kỹ năng công nghệ thông tin; 35,48% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ kỹ năng ngoại ngữ; 54,84% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ kiến thức, kỹ năng chuyên môn; 45,16% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ kỹ năng quản lý; 29,03% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ kỹ năng mềm và 22,58% doanh nghiệp được khảo sát đề xuất bổ trợ các khóa đòa tạo khác. Thực tế đó cho thấy, các doanh nghiệp đòi hòi các cử nhân được tuyển dụng không ngừng trau dồi kiến thức, kỹ năng mềm … để đáp ứng được nhu cầu công việc do các nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động yêu cầu.

*Nội dung 15: Các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng sinh viên tốt nghiệp đáp ứng đủ yêu cầu của nhà tuyển dụng. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham khảo ý kiến của nhà tuyển dụng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các mức độ đánh giá | Số lượng DN đánh giá | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Tăng cường sự tham gia của các nhà tuyển dụng trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo  | 11 | 35,48 |
| 2 | Cử sinh viên đến thực tập tại cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng  | 18 | 58,06 |
| 3 | Tăng cường đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên | 9 | 29,03 |
| 4 | Tổ chức hội thảo, hội nghị trao đổi giữa Nhà trường và nhà tuyển dụng  | 17 | 54,84 |
| 5 | Các nhà tuyển dụng hằng năm cung cấp yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng vị trí tuyển dụng để Nhà trường có thêm căn cứ xây dựng CĐR cho các CTĐT cử nhân | 5 | 16,13 |
| 6 | Giải pháp khác | 0 | 0 |

 Kết quả khảo sát cho thấy, giải pháp được nhiều nhà tuyển dụng đề xuất nhất là giải pháp đưa sinh viên đến thực tập tại cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng (58,06%); tiếp theo là Tổ chức hội thảo, hội nghị trao đổi giữa Nhà trường và nhà tuyển dụng (54,84%); Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham khảo ý kiến của nhà tuyển dụng (35,48%); Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên (29,03%); Các nhà tuyển dụng hằng năm cung cấp yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng vị trí tuyển dụng để Nhà trường có thêm căn cứ xây dựng CĐR cho các CTĐT cử nhân (16,13%). Ngoài các giải pháp được trình bày ở trên, các doanh nghiệp đề xuất thêm một số giải pháp sau: (i) kéo dài thời gian đi thực tập của sinh viên; (ii) cho sinh viên thực tập sau mỗi môn học để sinh viên được thực hành nhiều hơn, vận dụng tốt hơn kiến thức lý thuyết vào thực tế.

Các doanh nghiệp được khảo sát bày tỏ sự kỳ vọng và đánh giá cao Nhà trường nếu triển khai hiệu quả các giải pháp nêu trên góp phần nâng cao được chất lượng đào tạo của Nhà trường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu về thị trường lao động có tính cạnh tranh cao./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - BGH (b/c); - Các Khoa (cung cấp thông tin); - Đoàn TN, Hội SV (cung cấp thông tin); - Lưu VT, CTSV. | KT. HIỆU TRƯỞNGPHÓ HIỆU TRƯỞNGTS. Bùi Nữ Hoàng Anh |